

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – KHÁNH HÒA
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 05/2025/DS-ST

Ngày: 30 - 7 - 2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – KHÁNH HÒA
TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đức Thuận
Các hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Dũng;
Ông Phạm Văn Hóa.
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Khánh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Khánh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Khánh Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 221/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án xét xử số: 23/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu V – sinh năm 1973
Trú tại: Tổ dân phố Phú Lộc Tây 3, thị trấn diên Khánh, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.
Nay là: Tổ dân phố Phú Lộc Tây 3, xã Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa (Có mặt)
2. Bị đơn: Ông Trần Ngọc Tiên S – sinh năm 1977
Địa chỉ: Thôn Hội Xương, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, Khánh Hòa.
Nay là: Thôn Hội Xương, xã Suối Hiệp, Khánh Hòa. (Ông S vắng mặt lần 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 12/12/2024, bản tự khai ngày 03/4/2025, biên bản hòa giải ngày 28/5/2025, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa, ông Nguyễn Hữu Vĩnh trình bày:

Ông và ông Trần Ngọc Tiên S là bạn bè làm ăn. Năm 2023 ông có cho ông Trần Ngọc Tiên S vay tiền. Cụ thể:

- Lần 1: Ngày 07/11/2023, cho ông S vay 320.000.000 đồng để làm ăn. Thời hạn trả đến ngày 03/12/2023. Các bên có viết giấy vay tiền.

- Lần 2: Ngày 20/12/2023 cho ông S vay số tiền 400.000.000 đồng để kinh doanh. Ông S hẹn 05 tháng sau sẽ trả. Các bên có viết giấy “hợp đồng cầm cố” do ông S có giao cho ông O1 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 8x, tờ bản đồ số 12 cấp ngày 25/9/2020 cho ông S. Tuy nhiên, ngày 02/10/2024, ông đã trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho ông S vì ông S nói sẽ thế chấp quyền sử dụng đất đó để vay tiền Ngân hàng trả nợ cho ông.

Các lần vay đều không tính lãi.

Nay ông Nguyễn Hữu V yêu cầu ông Trần Ngọc Tiên S trả cho ông một lần dứt điểm tổng số tiền vay là 720.000.000 đồng (Bảy trăm hai mươi triệu đồng). Ông không yêu cầu lãi suất.

Bị đơn ông Trần Ngọc Tiên S đang làm ăn xa nhưng vẫn thỉnh thoảng về địa phương. Ông sống cùng vợ là Lê Thị Thùy D. Ông S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông S vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án tiến hành các thủ tục theo quy định pháp luật để làm cơ sở giải quyết vụ án.

* *Ý kiến của Viện kiểm sát*: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và đương sự. Về nội dung: Tại phiên Tòa, nguyên đơn trình bày có người làm chứng là Nguyễn Sơn T, trú tại: Tổ dân phố Phú Lộc Đông 2, thị trấn Diên Khánh (Nay là xã Diên Khánh). Đề nghị Hội đồng xét xử triệu tập người làm chứng để làm rõ việc vay mượn giữa ông Trần Ngọc Tiên S và ông Nguyễn Hữu V. Đại diện Viện kiểm sát không phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thủ tục: Ông Trần Ngọc Tiên S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do; căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông S.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu V yêu cầu ông Trần Ngọc Tiên S trả lại tổng số tiền vay 02 lần của ông là 720.000.000 đồng (Bảy trăm hai mươi triệu đồng). Đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện, ông Nguyễn Hữu V yêu cầu ông Trần Ngọc Tiên S trả lại số tiền nợ 02 lần vay của ông là 720.000.000 đồng (Bảy trăm hai mươi triệu đồng), các bên có lập giấy vay tiền, cầm cố và ký tên; yêu cầu của ông Nguyễn Hữu V là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung tranh chấp: Ngày 07/11/2023, ông Nguyễn Hữu V cho ông S vay 320.000.000 đồng để làm ăn. Thời hạn trả đến ngày 03/12/2023. Các bên có viết giấy vay tiền. Ngày 20/12/2023 cho ông S vay số tiền 400.000.000 đồng để kinh doanh. Ông S hẹn 05 tháng sau sẽ trả. Các bên có viết giấy “hợp đồng cầm cố” do ông S có giao cho ông 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 8x, tờ bản đồ số 12 cấp ngày 25/9/2020 cho ông S. Tuy nhiên, ngày 02/10/2024, ông đã trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho ông S vì ông S nói sẽ thế chấp quyền sử dụng đất đó để vay tiền Ngân hàng trả nợ cho ông.

Việc vay mượn các bên có giấy xác nhận nợ, vì vậy đây là giao dịch hợp pháp nên cần được công nhận.

Ông S có giao cho ông V 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 8x, tờ bản đồ số 12 cấp ngày 25/9/2020. Ông V đã trả cho ông S nên không xét.

[5] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc các bên vay mượn, có viết giấy nhận nợ là có thật. Ông Trần Ngọc Tiên S sinh sống tại địa phương, làm ăn xa nhưng vẫn về nhà, ông S sống cùng vợ là bà Lê Thị Thùy D. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản theo quy định, tổng đạt giấy triệu tập ông S cho bà Lê Thị Thùy D. Điều đó chứng tỏ ông S biết yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu V. Đối với người làm chứng Nguyễn Sơn T, ông V cho biết ông T làm ăn xa (ở Hà Nội). Do đó, việc triệu tập người làm chứng cũng không thay đổi được nội dung vụ án.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu V như sau:

Việc ông Trần Ngọc Tiên S vay ông Nguyễn Hữu V tổng số tiền 720.000.000 đồng (bảy trăm hai mươi triệu đồng), có viết giấy nên đây là giao dịch hợp pháp. Tuy nhiên, ông S không trả nợ đúng hạn nên đã vi phạm thỏa thuận vay tiền. Căn cứ vào giấy vay tiền, hợp đồng cầm cố, lời khai của nguyên đơn, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện việc vay tiền là có căn cứ, phù hợp với yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Hữu V. Đối với ông Trần Ngọc Tiên S, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp pháp các văn bản tố tụng theo quy định, điều đó chứng tỏ ông S đã nhận biết được các giấy tờ của Tòa án về nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Hữu V yêu cầu ông S trả số tiền 720.000.000 đồng nhưng ông S không đến Tòa. Do vậy, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu V yêu cầu ông Trần Ngọc Tiên S trả số tiền là 720.000.000 đồng (Bảy trăm hai mươi triệu đồng) là phù hợp và có căn cứ. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cần buộc ông Trần Ngọc Tiên S phải trả cho ông Nguyễn Hữu V số tiền là 720.000.000 đồng (Bảy trăm hai mươi triệu đồng). Ông V không yêu cầu lãi suất nên không xét.

[7] Án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Trần Ngọc Tiên S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên tổng số tiền phải trả là 720.000.000 đồng (Bảy trăm hai mươi triệu đồng).

Số tiền án phí bị đơn phải chịu là: 20.000.000 đồng + 4% (320.000.000 đồng) = 32.800.000 đồng (Ba mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng), hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho ông Nguyễn Hữu V.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Điều 35; Điều 39 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 463; Điều 466; Điều 467 của Bộ luật dân sự;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

- Buộc ông Trần Ngọc Tiên S phải trả cho ông Nguyễn Hữu V số tiền là 720.000.000 đồng (Bảy trăm hai mươi triệu đồng).

2. Án phí: Ông Trần Ngọc Tiên S phải chịu 32.800.000 đồng (Ba mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho ông Nguyễn Hữu V 16.400.000 đồng (Mười sáu triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 000133x ngày 25/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Diên Khánh (Nay là phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 – Khánh Hòa).

3. Quy định:

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành, theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Ngọc Tiên S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Khu vực 3 – Khánh Hòa;
- Dương sự;
- Phòng THADS Khu vực 3 – Khánh Hòa;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Đức Thuận